

# SỰU TÂM

## TÓM TẮC TỨ THƯ

NGUYỄN GIỰ HÙNG

Trong lịch sử văn hóa, tư tưởng phương Đông, bộ sách *Tứ Thư* có một vai trò hết sức quan trọng. Hầu hết các nước Châu Á, trong đó có Việt Nam, cả một chặng dài đã dùng *Tứ Thư* để làm nền tảng phát triển tư tưởng và giáo dục. *Tứ Thư* gồm bốn cuốn: *Đại Học*, *Trung Dung*, *Luân Ngữ* và *Manh Tử*.

*Tứ Thư* đề cập đến nhiều lĩnh vực: triết học, chính trị, đạo đức, luật pháp... Nội dung đại cương của *Tứ Thư* là *xây dựng nhân cách con người và xã hội với nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*; và *hệ thống tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*.

### 1. Đại Học (1)

*Đại Học* nguyên là một chương trong *Lễ Ký*, khoảng thời gian từ thời Chiến Quốc đến thời Tần Hán, được xem là một trong những kinh sách chủ yếu của Nho gia do *Tăng Tử* ghi chép lại lời dạy của Khổng Tử. Hai chữ *đại học* ở đây có nghĩa là *học vấn uyên bác*.

Sách triển khai ba điều cốt yếu là *minh đức, tân dân, chí u chí thiện*, và tám điều chuyên chú là *cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*.

Chu Hy đời nhà Tống nói rằng: sách *Đại Học* là cương lĩnh không có cái gì không bao hàm trong đó, không có cái gì không dung nạp trong đó.

Chu Hy cũng nói thêm: *chương đầu tiên* là kinh, là ý của Khổng Tử do Tăng Tử truyền lại bằng miệng; còn *mười chương sau* là giải thích chương đầu tiên, do học trò của Tăng Tử ghi chép lại.

### 2. Trung Dung (1)

Sách gồm những lời Khổng Tử dạy cho học trò rồi được cháu nội là Khổng Cấp, hiệu là Tử Tư, học trò của Tăng Sâm, chép lại và hệ thống hóa tư tưởng “trung dung” của ngài.

Tử Tư dẫn lời giảng của Khổng Tử rằng, “*Trung hòa là tính tự nhiên của trời đất, trung dung là đức hạnh của con người*”. “Trung” là chính giữa, không lệch về bên nào, “dung” là bình thường, không thái quá, không bất cập. “Trung” là chính đạo của thiên hạ; “dung” là không thay đổi, là định luật của thiên hạ. Người theo đạo trung dung cần *trí* để hiểu rõ sự lý, *nhân* để biết điều lành mà làm, *dũng* để có khí cường kiện mà tiến hành tới cùng.

Trung Dung là sách luân lý học của phái Nho gia “*Tử Mạnh*” (Tử Tư và Mạnh Tử). Nội dung sách có thể chia ra hai phần:

- *Phần thứ nhất* là những giải thích của Khổng Tử về trung dung và con đường đạt đến trung dung.

- *Phần thứ hai* gồm những ý kiến mà Tử Tư đã kế thừa và phát triển tư tưởng trung dung của Khổng Tử, trong đó nội dung quan trọng nhất là chí thành.

Trong Luận Ngữ, Khổng Tử đã, khi *bàn về chính trị*, ngài chủ trương “nhân chính đức trị”; khi *bàn về đạo đức, luân lý*, ngài coi trung dung là một tư tưởng giúp cho con người tìm một đức sáng giúp con người và xã hội tự hoàn thiện đạt tới phẩm chất đạo đức cao nhất.

Đến thời Hán, sách Trung Dung đã trở thành một thiên trong sách Lễ Ký. Đến đời Tống, học giả Chu Hy rút ra, chỉnh biên lại và chú giải, rồi hợp cùng các sách Luận Ngữ, Đại Học, Mạnh Tử thành bộ Tứ Thư. Từ đời Tống về sau, sách Trung Dung trở thành sách giảng dạy trong chương trình giáo dục của Trung Quốc thời quân chủ.

### **3. Luận Ngữ (2)**

Trong kho trí tuệ đồ sộ mà Khổng Tử cống hiến cho nhân loại, phải kể đến sách *Luận Ngữ*. Đây là cuốn *kinh điển chủ yếu* của học thuyết Khổng Tử.

Luận Ngữ nguyên nghĩa là *bàn về lời nói*. Các học trò cùng nhau chép lại và bàn luận lời của Khổng Tử trả lời học trò đương thời, cùng những lời của học trò hỏi đáp lẫn nhau để hiểu đúng và rõ ràng lời dạy của thầy. Trải qua nhiều lần biên tập và hoàn chỉnh, bản chót của Luận ngữ hoàn thành vào khoảng đầu thời Chiến quốc. Từ đó, sách trở thành *một trong những kinh điển trọng yếu của Nho gia* và còn là một *tài liệu căn bản* cho giới học giả nghiên cứu học thuyết của Khổng Tử hoặc lịch sử tư tưởng, văn hóa, giáo dục và xã hội Trung Hoa thời cổ đại.

Nội dung Luận Ngữ đề cập tới đủ loại vấn đề như *triết học, chính trị, tôn giáo, xã hội, luân lý, đạo đức* ... một cách sâu sắc và uyên thâm và cách tiếp nhân xử thế và tâm lý người đời.

#### 4. Mạnh Tử

Sách do môn đệ của Mạnh Tử *ghi chép tư tưởng của thầy* và được ông đích thân duyệt lại. Sách luận bàn về những đề tài nổi bật trong học thuyết của Mạnh Tử, gồm:

- *Con người tính bốn thiện*
- *Tồn tâm, dưỡng khí, trì chí*
- *Quan điểm dân vi quý*
- *Trị quốc bằng thuyết Nhân chính.*

Mạnh Tử được coi là người đã thừa kế và phát triển xuất sắc học thuyết Nho gia do Khổng Tử đề xướng. Tuy thừa kế tư tưởng của Khổng Tử, nhưng Mạnh Tử đã phát triển và hoàn thiện, tập trung vào những vấn đề quan trọng là *tính thiện, vương đạo nhân chính và nhân nghĩa*.

Khổng Tử thì chú trọng dạy về *cách làm người*. Mạnh Tử lại chú trọng truy tìm bản thể “*Nhân tri sơ, tính bản thiện*” nghĩa là con người ta sinh ra tính vốn thiện, lấy việc hoàn thiện *tu dưỡng tính thiện* làm khởi điểm. Mạnh Tử đã đi sâu để bàn về *tâm*, ông khuyên mọi người coi trọng việc *tu dưỡng nội tâm, bảo tồn tính thiện* để hoàn thiện những phẩm cách tốt đẹp.

Mạnh Tử còn bàn nhiều về *vương đạo nhân chính* nhằm thu phục nhân tâm, thống nhất thiên hạ, là phải biết coi “*Dân quý nhất, thứ đến xã tắc, rồi mới đến vua*”.

Như vậy, Mạnh Tử đã nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều giữa vua và dân. Mạnh Tử còn bàn sâu về *nhân nghĩa*, coi nhân nghĩa gắn bó với con người, là đích để tu dưỡng và rèn luyện.

Tư tưởng của Mạnh Tử chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống tư tưởng Nho gia, được các triều đại trước đây hết sức tôn trọng coi là đạo lý kinh điển trong việc trị quốc an dân. Trong bộ sách Tứ Thư, sách Mạnh Tử dẫn giải thêm, chú giải thêm cho sách Luận Ngữ, cho nên chiếm nội dung rất quan trọng trong cả bộ sách.

**Tóm lại.** *Đọc Tứ Thư của Nho giáo, ta tìm thấy một hỗn hợp rộng lớn những lời khuyên về cách học hỏi, cách sống có văn hóa, các phẩm tính đạo đức của con người và đường lối chính trị.*

(Tham khảo từ nguồn: Tứ Thư - Trần Trọng Sâm, Kiều Bách Vũ Thuận biên dịch)

## GHI CHÚ

(1) Sách Trung Dung và sách Đại Học nguyên là hai thiên chép ở sách Lễ Ký. Đến đời Tống các học giả mới tách riêng ra để hợp cùng với sách Luận Ngữ, Mạnh Tử thành bộ Tứ Thư.

Sách *Trung Dung* gồm hết cái uyên thâm của triết lý Khổng Tử, nói lên cái *uyên thâm* đạo lý biến hóa của vũ trụ và nhân sinh một cách có hệ thống trong triết học Trung Hoa cổ đại.

Sách Trung Dung được ông Chu Hy đời Tống chia ra làm 33 chương.

-Chương đầu nói về “trung” căn bản ở trời mà có sẵn trong người

-Những chương giữa giảng giải cho vỡ lẽ, dẫn lời Khổng Tử luận về đạo “trung dung” và nói về ba đại đức là *trí, nhân, dũng*. Lời Tử Tư dẫn lời Khổng Tử nói về cái *dụng* và cái *thể* màu nhiệm của đạo. Rồi tới lời của Tử Tư nói về chữ *thành* và cái linh diệu của nó.

-Chương cuối cùng có kết luận là cái đức của người quân tử là vốn ở chính mình, nên phải tự mình rèn luyện cho có cái “trung dung” hợp với sự vận hành tự nhiên của trời đất, cái đạo lý làm người, cái chân lý của nhân sinh.

(2) **Lược giải thêm** về nội dung của Luận Ngữ

### @ **Nhân và Lễ**

Gốc tư tưởng của Khổng Tử là **đạo nhân** tức là đạo làm người, đạo vì con người.

- Về mặt đạo đức Khổng Tử cho rằng *trước phải tu thân, tề gia, sau mới nói đến trị quốc, bình thiên hạ được*. Trong việc tu thân, tề gia, cũng phải gắn với **đức nhân** tức là tu dưỡng rèn luyện để đạt được tới **đạo đức tối cao**, để đạt được **nhân cách tiêu chuẩn** của **người quân tử**. Khi ấy, người ta sẽ biết coi trọng luân thường đạo lý, biết sống có trách nhiệm, biết đặt lợi ích xã hội, đất nước lên trên lợi ích cá nhân.

- Trong việc trị quốc, bình thiên hạ, người cầm quyền cũng phải có **đức nhân** rồi mới thi hành **đức trị** theo lễ giáo. Đặc biệt, Khổng Tử rất chú trọng về **lễ**, tức là trật tự trong trị nước. Ông đã đề ra thuyết **chính danh**: “*vua trọn đạo làm vua, tôi trọn đạo làm tôi, cha trọn đạo làm cha, con trọn đạo làm con*”, coi chính danh là biện pháp lớn để trị nước được yên, “*không lo của cải ít, chỉ lo phân phối không đều; không lo dân không đông, mà chỉ lo lòng dân không yên*”.

Nội dung của Luận Ngữ thật là sâu sắc trong mọi phương diện học tập, giáo dục, xử thế và trị nước an dân. Lời văn của Luận Ngữ thật trong sáng, cô đọng thành những danh ngôn bất hủ, nên rất sinh động, dễ tiếp thu.

Trong *Luận ngữ*, có hai thuật ngữ chủ chốt cần được am hiểu và đánh giá đúng mức. Đó là **Nhân** và **Lễ**.

### **\*/ Nhân**

Theo Khổng Tử, “nhân” là tâm điểm của đạo đức, là khởi đầu và tốt điểm của Đạo, là chí thiện. Như thế, *đức nhân* có tính bao quát toàn bộ và là một minh triết lý tưởng. Trong Luận Ngữ ngài giải thích về Nhân:

- “*Tử Trương hỏi Khổng Tử về việc thi hành đạo nhân. Khổng Tử nói rằng: Có thể làm được năm điều tốt đối với mọi người trong thiên hạ tức là thi hành đức nhân vậy.*

“*Xin hỏi về năm điều đó.*

“*Khổng Tử nói rằng: Đó là cung kính, khoan dung, thành tín, cần mẫn và ơn huệ. Cung kính thì không khinh nhờn; khoan dung thì được lòng mọi người; thành tín thì được người tín nhiệm; cần mẫn thì nên công; có ơn huệ thì dễ sai khiến người*”. (*Luận ngữ, XVII:6*)

- “*Trọng Cung hỏi về điều nhân.*

“*Khổng Tử nói: Ra cửa phải như tiếp khách lớn, trị dân phải như làm lễ tế lớn, điều gì mình không muốn người khác làm cho mình thì mình cũng đừng làm cho người khác. Như vậy, trong nước chẳng ai oán giận, trong nhà cũng không ai oán giận*”. (*Luận ngữ, XII:2*)

- “*Khổng Tử nói: Điều nhân ở xa ta hay sao? Nếu ta muốn điều nhân, điều nhân tự đến với ta*”. (*Luận ngữ, VII:27*).

- Đối với Khổng Tử, **Nhân là gốc của Lễ và Nhạc**, làm thành ba đức tính căn bản của người quân tử. “*Khổng Tử nói: Người mà không có lòng nhân dùng lễ sao được? Người mà không có lòng nhân, dùng nhạc sao được*”. (*Luận ngữ, III:3*)

### **\*/ Lễ**

Chữ *Lễ* vào thời trước thời Xuân thu đã mang **nghi thức lễ tế**, đồng thời mang ý nghĩa những luật có tính cách **phong tục tập quán** được xã hội thừa nhận.

Đối với Khổng Tử, tác dụng của Lễ nhắm tới **bốn chủ đích**:

1. *Hàm dưỡng tính tình* để tình cảm được trọng hậu, làm gốc cho đạo nhân.

2. *Giữ tình cảm* sao cho trung dung.
3. *Xác định phân minh* lẽ phải trái, tình thân sơ, trật tự trên dưới.
4. *Kèm chế* những thường tình dung tục của con người.

- Khổng Tử cho rằng chỉ có cách *tuân giữ Lễ* như những *luật* trong giao tế xã hội ta mới có khả năng thành tựu Nhân. *Chính nghi lễ và nghi thức làm cho cuộc sống quân bình.*

“*Khổng Tử nói: Cung kính mà thiếu lễ thì làm thân mình lao nhọc. Cẩn thận mà thiếu lễ thì trở thành nhút nhát. Dũng cảm mà thiếu lễ sẽ trở thành rối loạn. Ngay thẳng mà thiếu lễ sẽ trở nên thô lỗ*”. (Luận ngữ, VIII:2)

- Lễ ràng buộc mọi người. Việc thực thi Lễ sẽ đặt mọi người hành xử đúng theo vị trí và chức năng của mình.

“*Định công (tức Lỗ hầu, người từng trọng dụng Khổng Tử) hỏi rằng: Vua sai khiến bề tôi, bề tôi thờ vua nên như thế nào?*

“*Khổng Tử đáp rằng: Vua lấy lễ sai khiến bề tôi, bề tôi lấy lòng trung để thờ vua*”. (Luận ngữ, III:17)

### @ **Sự hiếu học**

Vốn là người hiếu học, ngài lúc nào cũng thấy *việc học là thiết yếu*. Đối với Khổng Tử, chỉ suy nghĩ thôi thì chưa đủ, ta nên dùng trí óc của mình để học hỏi.

Ngài giảng cho Tử Lộ:

- “*Chuộng điều nhân mà không ham học thì mỗi che lấp là ngu muội. Chuộng nét trí mà không ham học thì mỗi che lấp là phóng đãng. Chuộng chữ tín mà không ham học thì mỗi che lấp là tự gây hại. Chuộng sự ngay thẳng mà không ham học thì mỗi che lấp là nóng nảy. Chuộng sự dũng cảm mà không ham học thì mỗi che lấp là gây loạn. Chuộng sự cương mãnh mà không ham học thì mỗi che lấp là cuồng bạo*”.

### @ **Luận về quân tử**

Khái niệm quân tử, trong sách Luận Ngữ có lúc chỉ *khuôn mẫu đạo đức*, có lúc chỉ *người lãnh đạo*. Về mặt đạo đức, người quân tử phải làm gương cho người khác để người khác noi theo; về mặt lãnh đạo, người dân sẽ cung kính như những vì sao vây quanh sao Bắc Cực, để từ đó nhận được những ảnh hưởng tốt đẹp từ *người quân tử*.

Khổng Tử chia *loài người* thành ba hạng:

1. *Thánh nhân*, bậc hiền giả, người thể hiện và chuyển giao minh triết.
2. *Quân tử*, người cao nhã, kẻ phấn đấu để làm điều chân chính.
3. *Tiểu nhân*, kẻ “hèn mọn”, hành động không màng tới đạo đức.

Ngài lại chia *quân tử* ra làm 4 hạng:

1. Cao hơn hết là hạng *ty tế*, tức là hạng xa lánh thiên hạ vì thói đời bại hoại.
2. Kế là hạng *ty địa*, tức là hạng xa lánh quốc gia đương cơn loạn lạc.
3. Thứ ba là hạng *ty sắc*, tức là hạng xa lánh những kẻ thiếu lễ mạo, ám hại người hiền
4. Cuối cùng là hạng *ty ngôn*, tức là hạng xa lánh những kẻ lời nói chẳng hợp ý mình

Một hôm Tử Công hỏi ngài rằng:

- *Thưa Thầy, phải làm thế nào mới đáng được gọi là người quân tử?*

Đức Khổng tử đáp:

- *Mình muốn dạy người ta điều gì trước hết mình hãy làm điều đó đi. Rồi sau đó cứ thế mà dạy. Như vậy mới đáng gọi là quân tử.*

Trong Luận Ngữ Ngài dùng sự tương phản giữa “*người quân tử*” và “*kẻ tiểu nhân*”.

- “*Khổng Tử nói: Người quân tử sợ ba điều: sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời nói của thánh nhân. Kẻ tiểu nhân không biết mệnh trời, nên không sợ, (mà còn) khinh nhờn bậc đại nhân, giễu cợt lời nói của thánh nhân*”. (Luận ngữ, XVI:8)

- “*Khổng Tử nói: Người quân tử thân với khắp mọi người mà không tư vị, kẻ tiểu nhân tư vị mà không thân với khắp mọi người*”. (Luận ngữ, II:14)

- “*Khổng Tử nói: Người quân tử trầm tĩnh an hòa, kẻ tiểu nhân phập phồng âu lo*”. (Luận ngữ, VII:36)

- “*Khổng Tử nói: Người quân tử ung dung mà không kiêu căng, kẻ tiểu nhân kiêu căng mà không ung dung*”. (Luận ngữ, XIII:26)

- “*Khổng Tử nói: Người quân tử cầu ở mình, kẻ tiểu nhân cầu ở người*”. (Luận ngữ, XVII:20)

- “*Khổng Tử nói: Người quân tử hòa với mọi người mà không về hòa với ai, kẻ tiểu nhân về hòa với mọi người mà không hòa với ai*”. (Luận ngữ, XIII:23)

- “*Khổng Tử nói: Chẳng lo không có địa vị, chỉ lo sao không đủ tài đức để được địa vị đó. Chẳng lo không ai biết tới, chỉ mong làm thế nào đáng cho người đời biết tới*”. (Luận ngữ, IV:14)

-“*Khổng Tử nói: Người quân tử làm việc vì thiên hạ, không nhất định phải như thế này mới được hoặc như thế kia là không được, cứ hợp đạo nghĩa mà làm*”. (Luận ngữ, IV:10)

-“*Khổng Tử nói: Người quân tử quan tâm tới đạo đức, kẻ tiểu nhân quan tâm tới nhà đất. Người quân tử quan tâm tới phép tắc, kẻ tiểu nhân quan tâm tới ơn huệ*”. (Luận ngữ, IV:11)

-“*Khổng Tử nói: Nuông theo điều lợi mà làm, ắt bị nhiều người thù oán*”. (Luận ngữ, IV:12).

## **@ Chính danh**

Người quân tử muốn “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, phải nghiêm chỉnh theo thuyết “*chính danh*”. Sách Luận ngữ viết về tính ứng dụng tổng quát của thuyết *chính danh*. *Chính danh*, một học thuyết quan trọng của Khổng Tử, song hành với *Nhân*

- Chính danh giúp cho việc *suy nghĩ chính xác* và *hành xử đúng đắn* theo “*định phận*” của mỗi cá nhân:

“*Tử Lộ nói: Giả dụ vua nước Vệ nhờ thầy sửa việc chính trị thì thầy định làm việc gì trước?*”

“*Khổng Tử nói: Ất là phải sửa cái danh cho chính.*”

“*Tử Lộ nói: Có đúng vậy không? Thầy nói thiếu thực tế rồi. Sửa danh cho chính để làm gì?*”

“*Khổng Tử nói: Do ời, người quê mùa quá! Người quân tử điều gì chưa biết thì khoan nói vội. Nếu danh chẳng chính thì lời nói chẳng thuận; lời nói chẳng thuận thì công việc chẳng thành. Nếu công việc chẳng thành thì lễ và nhạc chẳng thịnh. Nếu lễ và nhạc chẳng thịnh thì hình phạt chẳng đúng. Nếu hình phạt chẳng đúng, thì dân chẳng biết chỗ nào đặt tay chân. Do đó, khi người quân tử xưng danh, danh ấy phải xứng đáng với phận của mình; người quân tử rất dè dặt trong lời nói, *không tùy tiện nói theo ý thích của mình*”. (Luận ngữ, XIII:3)*

- Chính danh còn có công dụng cực kỳ hữu hiệu trong việc **trị quốc an dân**.

“*Tề Cảnh công hỏi Khổng Tử về việc chính trị.*”

“*Khổng Tử đáp rằng: Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con*”. (Luận ngữ, XII:11).

“*Quý Khang hỏi Khổng Tử về việc chính trị.*”

“*Khổng Tử đáp rằng: Chính trị là làm mọi việc cho ngay thẳng. Nếu ngài lấy ngay thẳng mà khiến người, thì ai dám không ngay thẳng*”. (Luận ngữ, XII:16)



*“Không Tử nói: Mình ngay chính thì không sai khiến người ta cũng làm, mình không ngay chính thì tuy có sai khiến cũng không ai theo”.* (Luận ngữ, XIII:6)

- Thuyết Chính danh về sau còn được Hàn Phi thuộc truyền thống *Pháp trị* triệt để ứng dụng.

### **@ Thiên mệnh**

*“Không Tử nói: Chẳng biết mệnh trời, thì biết lấy gì để làm người. Chẳng biết Lễ thì biết lấy gì để lập thân. Chẳng thể phân biệt lời phải trái, thì biết lấy gì để biết người.”* (Luận ngữ, XX:3)

Đối với Nho giáo, không có một thế giới tách biệt của Thượng đế hoặc các thần linh, không có một thế giới “trời” tách biệt với thế giới “đất” để cho những gì dưới *đất thấp* phải tích cực noi theo hoặc đua tranh với những gì trên *trời cao*. Đúng hơn, chữ “trời” trong Nho giáo có ý nói tới một *trật tự lý tưởng* và *tinh thần* còn chữ “đất” là cách mà *vạn vật hiện hữu* tại chỗ và ngay lúc này.